

Bản án số: **304/2019/HC-PT**

Ngày: 16/4/2019

V/v: Khiếu kiện Quyết định hành chính
về quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thuận

Các Thẩm phán:

1. Bà Lê Thu Thủy

2. Bà Lê Hồng Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Bích Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành Phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành Phố Hồ Chí Minh: Ông Trần Hồng Long- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 09 và 16 tháng 4 năm 2019 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 38/2018/ TLPT-HC ngày 18 tháng 10 năm 2018 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai” .

Do bản án hành chính sơ thẩm số 1606/2018/HC-ST ngày 24 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 822/2019/QĐXXPT-HC ngày 26 tháng 02 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 1340/2019/QĐ-PT ngày 13 tháng 3 năm 2019 và Quyết định ngừng phiên tòa số 2241/2019/QĐPT-HC ngày 09 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Trần Thị C

Địa chỉ: Phường 22, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nhâm Văn Y, sinh năm 1952

Địa chỉ: Phường 22, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Hợp đồng ủy quyền số 6233, quyền số 5 ngày 26/5/2014 tại Văn phòng công chứng Bình Thạnh)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông T, Luật sư thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Văn phòng Luật sư T, Phường 5, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Phường 14, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông P – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B

(Theo Giấy ủy quyền số 02/GUQ-UBND ngày 10/01/2019)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

1/ Ông Phạm Ngọc P1

2/ Ông Phan Ngọc Anh H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện bà Trần Thị C có người đại diện theo ủy quyền là ông Nhâm Văn Y đại diện trình bày:

Thực hiện dự án đường sắt đô thị BT - ST, Ủy ban nhân dân quận B đã thu hồi của bà Trần Thị C diện tích đất là 54,4 m², thuộc thửa số 10, tờ bản đồ số 29 (đất cũ thuộc thửa số 94 tờ bản đồ số 1) Phường 22, quận B, cách rạch Văn Thánh 100 m, đất có nguồn gốc là của ông Nguyễn Văn Đường, ông Đường cHên nhượng cho bà C vào ngày 04/9/1991 bằng giấy tay. Năm 1999 bà C có kê khai nhà đất và sử dụng cho đến nay.

Căn cứ vào Quyết định số 616/QQĐ - UBND ngày 05/02/2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân quận B thu hồi đất nhưng không lập thủ tục thu hồi đất và ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

Sau khi bà C có đơn gửi Ủy ban nhân dân quận B đề nghị được bồi thường và được Ủy ban nhân dân quận B trả lời bằng Công văn số 583/UBND-BTGPMB ngày 04/4/2014, nội dung trả lời rằng vị trí khu đất của bà C đề nghị được bồi thường là rạch, đất công do Nhà nước quản lý, bà C đã san lấp, đã bị xử phạt hành chính, nên không có cơ sở giải quyết bồi thường.

Nhận thấy phần đất của bà C không phải là đất lấn rạch, vì trên đất có thể hiện số thửa và tờ kê khai năm 1999. Nên bà C khởi kiện Ủy ban nhân dân quận B yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Yêu cầu hủy Công văn số 583/UBND-BTGPMB ngày 04/4/2014 của Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Yêu cầu Ủy ban nhân dân quận B thực hiện thủ tục thu hồi đất và ban hành Quyết định bồi thường đối với phần đất bị thu hồi tại thửa đất số 10, tờ bản đồ 29 (thửa cũ thuộc thửa đất 94 tờ bản đồ số 1) Phường 22, quận B theo đúng quy định pháp luật.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân quận B có văn bản trình bày:

- Về căn cứ pháp lý để thực hiện bồi thường:

Quyết định số 616/QĐ - UBND ngày 05/02/2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thu hồi đất để thực hiện dự án tuyến đường sắt Bến Thành – Suối Tiên tại các Phường 19, 21, 22 và 25 quận B.

Quyết định số 2587/QĐ-UBND ngày 15/4/2009 về phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng dự án trên.

- Về nguồn gốc pháp lý khu đất của bà C:

Thửa 94 có diện tích 64.840 m², loại đất: rau tập trung (trong sổ bộ đã gạch bỏ thửa đất này). Đối chiếu bản đồ địa hình chụp năm 1982, điều ảnh năm 1988 thì phần lớn thửa 94 là rạch và rau trên rạch.

Đối chiếu Tài liệu 299/Ttg trên nền bản đồ địa chính Phường 22 lập năm 2002 thì phần lớn thửa 94 là rạch. Phần diện tích đất của bà C yêu cầu bồi thường thuộc thửa 10 tờ số 29 bộ bản đồ địa chính Phường 22. Thửa đất số 94 tờ bản đồ số 1 Phường 22 theo Tài liệu 299/TTg là rạch Văn Thánh, đất công do nhà nước quản lý (theo Công văn số 6796/UBND-ĐTMT ngày 18/12/2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố).

Qua thực tiễn quản lý thì khu đất này không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không được cấp phép xây dựng. Bà C đã bị xử phạt hành chính vào năm 2002 do có hành vi san lấp rạch (Quyết định số 1375/QĐ-UB ngày

07/5/2002), Bà C không chấp hành quyết định xử phạt nên đã bị cưỡng chế theo Quyết định số 3730/QĐ-UB ngày 03/9/2009.

Như vậy, bà C không được giao quyền sử dụng đất, không được công nhận quyền sử dụng đất, không sử dụng đất từ thời điểm thực hiện dự án, theo khoản 1, 3, 5 Điều 4 Luật Đất đai, nên không thuộc đối tượng bị thu hồi đất. Do đó khi thực hiện dự án, Ủy ban nhân dân quận B không lập thủ tục thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ cho bà C là có cơ sở theo đúng quy định của pháp luật.

Do đó Ủy ban nhân dân quận B trả lời cho bà C bằng Công văn số 583/UBND-BTGPMB ngày 04/4/2014 không chấp thuận bồi thường cho bà C là đúng. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và yêu cầu khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện là ông T trình bày: Phần đất của bà C có nguồn gốc rõ ràng, không phải là rạch hay đất công, vì có biên bản xác định ranh mốc giới và căn cứ Công văn 3317/UBND-PCNC ngày 04/6/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Văn bản 6769/UBND-ĐTMT ngày 18/12/2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không phải là văn bản quy phạm pháp luật nên không thể làm căn cứ để quyết định bồi thường hay không bồi thường, bên cạnh đó công văn này cũng không xác định rõ đâu là rạch, đâu là ruộng mà chỉ đưa ra phán đoán chung.

Phần diện tích đất bị thu hồi nêu trên được bà C mua lại bằng giấy tay từ ông Nguyễn Văn Đường, những giấy tờ tay này được xem là hợp lệ, bà C có kê khai nhà đất năm 1999, có tên trên bản đồ địa chính. Căn cứ Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ; Điều 42, Điều 50 Luật Đất đai, Nghị định 197/2004-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ; Nghị định 69/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ thì đất của bà C đủ điều kiện được bồi thường. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là ông Phạm Ngọc P1 trình bày: Đề nghị Tòa án bác yêu cầu của người khởi kiện và giữ nguyên Công văn số 583/UBND-BTGPMB ngày 04/4/2014 của Ủy ban nhân dân quận B về việc không chấp thuận giải quyết yêu cầu được bồi thường đối với phần diện tích đất của bà C.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, tiến hành các hoạt động tố tụng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử đúng quy định tại Điều 38 và chấp hành đúng các quy định tại Điều 99, 100, 203, 217, 221 và Điều 231 của Luật tố tụng hành chính như: thụ lý vụ án xét xử phúc thẩm đúng thẩm quyền; ra quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử; cấp tổng đạt hoặc thông báo các văn bản tố tụng theo quy định và cHển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đúng thành phần và có mặt đầy đủ các thành viên theo quy định tại Điều 222, Điều 223, thực hiện đúng trình tự, thủ tục, phạm vi xét xử phúc thẩm theo quy định tại các Điều 220, 233 và Điều 237 Luật tố tụng hành chính.

Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã chấp hành đúng quy định tại các Điều 55, 56, 57, 58 và Điều 153 Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện: Bà Trần Thị C có đất nằm trong dự án quy hoạch nêu trên bị Ủy ban nhân dân quận B thu hồi nhưng không được Ủy ban nhân dân quận B thực hiện thủ tục thu hồi cũng như bồi thường, nên bà C có đơn đề nghị được bồi thường về đất.

Phần đất của bà Trần Thị C thuộc thửa đất số 10, tờ số 29 bản đồ Địa chính Phường 22; thuộc thửa số 94 tờ bản đồ số 1 tại Phường 22 theo Tài liệu 299/Ttg của Thủ tướng chính phủ trên nền bản đồ địa chính Phường 22 lập năm 2002 thì phần lớn thửa 94 là rạch, có nguồn gốc các hộ dân sử dụng trồng rau muống bè (rau tập trung, trong sổ bộ đã gạch bỏ thửa này) và cũng tại Văn bản số 6796/UBND-ĐTMT ngày 18/12/2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận đề nghị của Thanh tra Thành phố tại Báo cáo số 765/BB-TTTP-P2 ngày 25/11/2013 có kết luận là rạch, đất công do Nhà nước quản lý.

Bà Trần Thị C mua lại phần đất của ông Nguyễn Văn Đường đã bị xử phạt hành chính vì hành vi san lấp rạch, như vậy bà C đang sử dụng phần đất thuộc rạch Văn Thánh, là đất công do nhà nước quản lý. Bà C không được giao quyền sử dụng, không được công nhận quyền sử dụng đất, nên không thuộc đối tượng bị thu hồi đất, do đó Ủy ban nhân dân quận B không lập thủ tục thu hồi đất, không tổ chức bồi thường là đúng. Nên không có cơ sở để xem xét bồi thường, hỗ trợ theo yêu cầu của bà C.

Như vậy việc Ủy ban nhân dân quận B ban hành Công văn số 583/UBND-BTGPMB ngày 04/04/2014 về việc không chấp thuận đề nghị được bồi thường của bà C là đúng pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Trần Thị Lài trong hạn luật định, đúng thủ tục.

Tại phiên Tòa, người bị kiện là Ủy ban nhân dân Quận B có ông Plà đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện ông Phan Ngọc Anh H có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 157 Luật Tố tụng hành chính, vụ án vẫn được tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Người khởi kiện bà Trần Thị C yêu cầu hủy Công văn số 583/UBND-BTGPMB ngày 04/04/2014 của Ủy ban nhân dân quận B về việc giải quyết đề nghị được bồi thường đất trong dự án Metro Bến Thành – Suối tiên.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Phần đất của bà Trần Thị C thuộc thửa đất số 10, tờ số 29 bản đồ Địa chính Phường 22; thuộc thửa số 94 tờ bản đồ số 1 tại Phường 22 theo Tài liệu 299/Ttg của Thủ tướng chính phủ, thuộc ranh thu hồi đất của dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt đô thị Bến Thành – Suối Tiên tại các Phường 19, 21, 22 và 25 quận B. Đối chiếu Tài liệu 299/Ttg trên nền bản đồ địa chính Phường 22 lập năm 2002 thì phần lớn thửa 94 là rạch.

Căn cứ Tài liệu 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ, thửa 94 tờ bản đồ số 1, có nguồn gốc các hộ dân sử dụng trồng rau muống bè (rau tập trung, trong số bộ đã gạch bỏ thửa này). Bà Trần Thị C mua lại phần đất của ông Nguyễn Văn Đường và đã bị xử phạt hành chính vì hành vi san lấp rạch ngày 07/5/2002.

Theo bản đồ chập ranh ngày 05/9/2017 do Công ty Cổ phần Đo đạc Xây dựng Thương mại Dịch vụ Đại Việt An lập thì phần diện tích 54,4 m² của bà C là rạch Văn Thánh.

Như vậy bà C đang sử dụng phần đất thuộc rạch Văn Thánh, là đất công do nhà nước quản lý. Bà C không được giao quyền sử dụng, không được công nhận quyền sử dụng đất, nên không thuộc đối tượng bị thu hồi đất, do đó Ủy ban nhân dân quận B không lập thủ tục thu hồi đất, không tổ chức bồi thường là

đúng. Nên không có cơ sở để xem xét bồi thường, hỗ trợ theo yêu cầu của bà C. Việc Ủy ban nhân dân quận B ban hành Công văn số 583/UBND-BTGPMB ngày 04/04/2014 về việc không chấp thuận đề nghị được bồi thường của bà C là đúng pháp luật.

Từ các nhận định trên, xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện là không có cơ sở chấp nhận.

Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ.

[3] Về án phí: Trần Thị C là người cao tuổi, có đơn yêu cầu xin miễn án phí. Do đó xét thấy phải miễn án phí cho bà C, cần phải sửa phần án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 193, Điều 241 và Điều 242 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/ Bác kháng cáo của bà Trần Thị C yêu cầu hủy Công văn số 583/UBND-BTGPMB ngày 04/4/2014 của Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh về việc không chấp thuận đề nghị được bồi thường và yêu cầu Ủy ban nhân dân quận B thực hiện thủ tục thu hồi đất và ban hành Quyết định bồi thường đối với phần đất bị thu hồi tại thửa đất số 10, tờ bản đồ số 29 (thửa cũ thuộc thửa đất 94 tờ bản đồ số 01), Phường 22, quận B theo đúng quy định pháp luật.

2/Về án phí: Sửa án phí hành chính sơ thẩm.

Trả lại 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho bà Trần Thị C đã nộp theo biên lai số AB/2012/02742 ngày 16/5/2014 của Cục thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí hành chính phúc thẩm: Trả lại 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí cho bà Trần Thị C đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0005329 ngày 04/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận B;
- Chi cục THADS quận B;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thuận